|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 42/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh quốc gia,**

**trật tự, an toàn xã hội**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Bí mật nhà nước độ Tuyệt mật gồm:**

1. Văn bản của Bộ trưởng Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương về xác định đối tượng đấu tranh, đối sách, quy trình xử lý tình huống nghiệp vụ đối với các loại đối tượng có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia hoặc đe dọa xâm phạm an ninh quốc gia.

2. Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị thuộc lực lượng Tình báo, Kỹ thuật nghiệp vụ Công an nhân dân.

3. Tài liệu trong hồ sơ cán bộ đang công tác trong lực lượng Tình báo Công an nhân dân hoạt động theo phương thức bình phong công khai và xã hội hóa theo phương thức mật có chứa thông tin về vị trí việc làm, đơn vị công tác và hoạt động tình báo.

4. Tài liệu trong hồ sơ trinh sát xã hội hóa và sĩ quan Công an nhân dân biệt phái theo hình thức không công khai có chứa thông tin về nhiệm vụ, hoạt động trinh sát bí mật bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

5. Thông tin, tài liệu, biểu mẫu về lực lượng bí mật của lực lượng An ninh, Tình báo và cộng tác viên bí mật của lực lượng Cảnh sát (sau đây gọi là lực lượng bí mật) gồm:

a) Văn bản, báo cáo, kế hoạch, biểu mẫu chứa thông tin đủ để xác định chính xác danh tính cá nhân lực lượng bí mật, người trong kế hoạch tuyển chọn xây dựng làm lực lượng bí mật;

b) Văn bản, báo cáo, kế hoạch, biểu mẫu chứa thông tin về yêu cầu, nhiệm vụ giao cho lực lượng bí mật nắm tình hình, điều tra, xác minh đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và hoạt động của đối tượng trong các chuyên án xâm phạm trật tự, an toàn xã hội;

c) Phương án tổng thể bố trí lực lượng bí mật;

d) Thông tin, tài liệu do lực lượng bí mật cung cấp về tổ chức, cá nhân hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và hoạt động của đối tượng chuyên án xâm phạm trật tự, an toàn xã hội.

6. Thông tin, tài liệu, biểu mẫu về công tác trinh sát, hồ sơ nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân và các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia (trừ các biểu mẫu về thống kê tài liệu trong hồ sơ, biên bản bàn giao hồ sơ, biên bản kiểm tra hồ sơ, danh sách người nghiên cứu hồ sơ, bản định thời hạn lưu trữ và các loại bìa hồ sơ) gồm:

a) Văn bản, báo cáo, kế hoạch, biểu mẫu chứa thông tin về các biện pháp, công tác nghiệp vụ tình báo, về hoạt động và kết quả thực hiện công tác nghiệp vụ tình báo;

b) Văn bản, biểu mẫu quy định và triển khai thực hiện công tác trinh sát nội tuyến, biện pháp ngoại tuyến, biện pháp nghiệp vụ chuyên biệt an ninh mạng, biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ (trừ biện pháp phòng, chống thu thập bí mật nhà nước và chế áp thông tin vô tuyến điện - KT10);

c) Tin thu được qua công tác trinh sát nội tuyến, biện pháp ngoại tuyến, biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ (trừ biện pháp KT10);

d) Văn bản, báo cáo, kế hoạch, biểu mẫu có thông tin về nhà an toàn và việc triển khai thực hiện cơ sở bình phong, trạm ngoại tuyến, trung tâm kỹ thuật nghiệp vụ, trung tâm xã hội hóa;

đ) Thông tin, tài liệu, biểu mẫu đủ để xác định chính xác danh tính cá nhân của chủ hộp thư bí mật; báo cáo đề nghị xây dựng nhà nghiệp vụ; bảo cáo nhận xét định kỳ về hoạt động của lực lượng bí mật tại nhà nghiệp vụ.

7. Thông tin, tài liệu, biểu mẫu về công tác chuyên án của lực lượng Công an nhân dân (trừ các biểu mẫu về thống kê tài liệu trong hồ sơ, biên bản bàn giao hồ sơ, biên bản kiểm tra hồ sơ, danh sách người nghiên cứu hồ sơ, bản định thời hạn lưu trữ và các loại bìa hồ sơ) gồm:

a) Thông tin, tài liệu, biểu mẫu về triển khai thực hiện công tác chuyên án của lực lượng An ninh, Tình báo;

b) Thông tin, tài liệu, biểu mẫu về triển khai thực hiện công tác chuyên án tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, ma túy của lực lượng Cảnh sát được xác lập để đấu tranh với các đối tượng, đường dây, băng nhóm tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất phức tạp, nguy hiểm, có tổ chức.

8. Chứng từ về thanh toán, quyết toán mật phí, kinh phí đặc biệt, kinh phí đặc biệt đột xuất phục vụ công tác công an gồm: triển khai thực hiện hoạt động tình báo; đấu tranh chuyên án của lực lượng An ninh, Tình báo; thực hiện công tác trinh sát nội tuyến, biện pháp ngoại tuyến, biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ; xây dựng, sử dụng nhà an toàn, cơ sở bình phong; xây dựng, sử dụng lực lượng bí mật chứa thông tin đủ để xác định chính xác danh tính cá nhân và yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng bí mật nắm tình hình, điều tra, xác minh đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, hoạt động của đối tượng chuyên án xâm phạm trật tự, an toàn xã hội.

9. Mực bí mật, khóa mã mực bí mật, tài liệu nghiên cứu, tra cứu mực bí mật và các hình thức liên lạc đặc thù của lực lượng An ninh, Tình báo.

**Điều 2. Bí mật nhà nước độ Tối mật gồm**

1. Văn bản, phương án, kế hoạch về triển khai lực lượng, biện pháp công tác bảo vệ an ninh quốc gia (trừ quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này).

2. Văn bản quy định về công tác tình báo, biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ; biện pháp nghiệp vụ Công an nhân dân.

3. Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị thuộc lực lượng An ninh (trừ quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này).

4. Văn bản quy định tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân có thông tin liên quan tôn giáo, dân tộc.

5. Tài liệu trong hồ sơ trinh sát xã hội hóa và sĩ quan Công an nhân dân biệt phái theo hình thức không công khai (trừ quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này).

6. Tài liệu trong hồ sơ cán bộ đang công tác trong lực lượng Tình báo Công an nhân dân có chứa thông tin về vị trí việc làm, đơn vị công tác và hoạt động tình báo (trừ quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này).

7. Chương trình, kế hoạch, báo cáo, thông báo, văn bản phản ánh tình hình, kết quả công tác nghiệp vụ cơ bản, biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ, biện pháp ngoại tuyến, đấu tranh phòng, chống gián điệp, phản động của lực lượng Công an nhân dân (trừ quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 1 Quyết định này).

8. Văn bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội gồm:

a) Báo cáo, phương án, kế hoạch, văn bản về bảo đảm an ninh, an toàn lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước đi cộng tác trong, ngoài nước và khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam, khu vực trọng yếu thuộc đối tượng cảnh vệ theo quy định của Luật Cảnh vệ;

b) Báo cáo, phương án, kế hoạch, văn bản về bảo đảm an ninh, an toàn đại hội đảng các cấp, bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, hội nghị của Ban Chấp hành trung ương Đảng, kỳ họp của Quốc hội, hội nghị, lễ hội do Trung ương Đảng, Nhà nước tổ chức, đại hội đại biểu toàn quốc do tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương tổ chức và hội nghị quốc tế tổ chức tại Việt Nam có đối tượng cảnh vệ theo quy định của Luật Cảnh vệ;

c) Báo cáo, phương án, kế hoạch, văn bản về bảo vệ hàng đặc biệt của Nhà nước;

d) Báo cáo, phương án, kế hoạch, văn bản diễn tập, triển khai lực lượng, phương tiện và biện pháp nghiệp vụ đấu tranh phòng, chống khủng bố, biểu tình, gây rối an ninh trật tự, bạo loạn, giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh chính trị ở địa phương, vùng dân tộc, tôn giáo, khu kinh tế, khu vực biên giới, hải đảo;

đ) Báo cáo, phương án, kế hoạch, văn bản triển khai lực lượng, phương tiện và biện pháp nghiệp vụ khi Nhà nước ban bố tình trạng khẩn cấp. ...

9. Thông tin, tài liệu về phương tiện, thiết bị nghiệp vụ, hệ thống mạng máy tính, mạng thông tin liên lạc phục vụ công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân gồm:

a) Bản thiết kế kỹ thuật, mật khẩu truy cập quản trị hệ thống, tài liệu mô tả sơ đồ hệ thống mạng máy tính phục vụ công tác nghiệp vụ; sơ đồ, bản vẽ thể hiện vị trí lắp đặt phương tiện, thiết bị thuộc hệ thống mạng máy tính; phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hệ thống mạng máy tính và phương án, kế hoạch, quy trình bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống mạng máy tính phục vụ công tác nghiệp vụ;

b) Đề án, dự án đầu tư, trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thuộc danh mục tài sản đặc biệt;

c) Phương án, kế hoạch, văn bản tác chiến điện tử, chiến thuật nghiệp về thông tin liên lạc;

d) Đề án, dự án, kế hoạch phát triển mạng thông tin liên lạc; thiết kế kỹ thuật, sơ đồ mạng thông tin liên lạc; tham số kỹ thuật, cấu hình, quy ước liên lạc của các phương tiện thông tin liên lạc.

10. Văn bản có nội dung phân tích, đánh giá tác nhân hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân liên quan đến công tác phòng, chống khủng bố.

11. Địa điểm, tài liệu, quy trình nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, dự trữ, quản lý tài liệu đặc biệt, hóa chất đặc biệt, chế phẩm đặc biệt, sản phẩm đặc biệt phục vụ công tác nghiệp vụ và đấu tranh, phòng, chống tội phạm của lực lượng Công an nhân dân.

12. Thông tin, tài liệu, biểu mẫu về công tác trinh sát, nghiệp vụ cơ bản, hồ sơ nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân (trừ biểu mẫu về thống kê tài liệu trong hồ sơ, biên bản bàn giao hồ sơ, biên bản kiểm tra hồ sơ, danh sách người nghiên cứu hồ sơ, bản định thời hạn lưu trữ và các loại bìa hồ sơ) gồm:

a) Văn bản quy định, hướng dẫn, trao đổi về công tác nghiệp vụ cơ bản và hồ sơ nghiệp vụ;

b) Tên, nội dung và văn bản về việc sử dụng các biện pháp trinh sát, biện pháp ngoại tuyến, kỹ thuật nghiệp vụ; thông tin, tài liệu về thực hiện biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ KT10 và tin thu được qua biện pháp KT10;

c) Văn bản, báo cáo, kế hoạch, biểu mẫu về quản lý, sử dụng lực lượng bí mật, vai ảo, vai nghiệp vụ và thông tin, tài liệu do lực lượng bí mật, vai ảo, . . vai nghiệp vụ thu thập, cung cấp (trừ quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Quyết định này);

d) Thống kê chi mật phí; danh sách người trong kế hoạch tuyển chọn xây dựng làm lực lượng bí mật; kế hoạch tiếp xúc và văn bản, báo cáo kết quả tiếp xúc, làm việc với người trong kế hoạch tuyển chọn xây dựng làm lực lượng bí mật và người không phải là lực lượng bí mật;

đ) Văn bản, báo cáo, kế hoạch, biểu mẫu về triển khai thực hiện công tác chuyên án của lực lượng Cảnh sát (trừ quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Quyết định này);

e) Văn bản, báo cáo, kế hoạch, biểu mẫu về quản lý, sử dụng hộp thư bí mật, nhà nghiệp vụ (trừ quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 1 Quyết định này);

g) Báo cáo đề xuất, kế hoạch, báo cáo nhận xét định kỳ, đánh giá tình hình nghiệp vụ, văn bản, biểu mẫu có thông tin về công tác điều tra cơ bản thuộc lĩnh vực an ninh quốc gia;

h) Báo cáo đề xuất, kế hoạch điều tra xác minh, báo cáo sơ kết, văn bản, biểu mẫu có thông tin về công tác quản lý nghiệp vụ, kiểm tra nghiệp vụ, sưu tra, xác minh hiểm nghi

i) Kế hoạch, báo cáo đề xuất, báo cáo kết quả, báo cáo sơ kết và văn bản có thông tin về công tác truy xét, truy tìm, xử lý, xác minh tin ban đầu thuộc lĩnh vực an ninh quốc gia;

k) Biểu mẫu, yêu cầu tra cứu, kết quả tra cứu, báo cáo trong hồ sơ vấn đề nghiệp vụ của lực lượng An ninh, Tình báo có thông tin liên quan an ninh quốc gia và các chuyên đề công tác nghiệp vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

13. Thông tin, tài liệu về công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia gồm:

a) Phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn công trình quan trọng quan đến an ninh quốc gia;

b) Bản thiết kế, sơ đồ hệ thống, số liệu về thiết bị, văn bản đánh giá, khảo sát, thẩm định và phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

14. Bản thiết kế, văn bản thẩm định, phương án thi công hệ thống kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm an ninh, an toàn và phòng, chống khủng bố hóa học, sinh học cho công trình kỹ thuật đặc biệt liên quan đến an ninh quốc gia.

15. Bản thiết kế, sơ đồ lắp đặt, trang bị phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm an ninh, an toàn và phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống xưởng sản xuất vũ khí, khí tài, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đặc biệt, phương tiện đặc chủng, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ (sau đây gọi là tài sản đặc biệt), thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng của lực lượng Công an nhân dân,

16. Bản thiết kế, sơ đồ lắp đặt, trang bị phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm an ninh, an toàn và phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống kho dự trữ quốc gia, kho vũ khí do Bộ Công an quản lý.

17. Thông tin, tài liệu, số liệu về âm mưu, tổ chức, hoạt động của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, cơ quan đặc biệt nước ngoài, tổ chức và đối tượng phản động, khủng bố xâm phạm an ninh quốc gia hoặc nghi vấn có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia (trừ quy định tại khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Quyết định này).

18. Văn bản xác minh, rà soát, đánh giá, kết luận, trao đổi về tiêu chuẩn chính trị của cá nhân là người Việt Nam có vấn đề về chính trị liên quan an ninh quốc gia và hoạt động của tổ chức, cá nhân nước ngoài có nghi vấn liên quan an ninh quốc gia.

19. Thông tin, tài liệu về công tác điều tra, xác minh, xử lý các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, vụ việc, vụ án kinh tế, tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng trở lên, vụ việc, vụ án hình sự mà khi xử lý có tác động đến chính trị, đối ngoại, vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp khác mà dư luận xã hội đặc biệt quan tâm gồm:

a) Phương án, kế hoạch, văn bản triển khai và kết quả công tác điều tra, xác minh, xử lý đối với các vụ việc, vụ án;

b) Văn bản xin ý kiến, trao đổi với Quốc hội, các cơ quan nhà nước, cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền về công tác điều tra, phương hướng xử lý, giải quyết đối với các vụ việc, vụ án;

c) Nội dung cuộc họp, văn bản trao đổi của cơ quan điều tra các cấp, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật về công tác điều tra, phương hướng xử lý, giải quyết các vụ việc, vụ án.

20. Danh sách đối tượng giam giữ, văn bản đánh giá về tình hình giam giữ và phương án, kế hoạch, báo cáo về việc bắt, áp giải, dẫn giải, dẫn độ, di chuyển đối tượng, phạm nhân phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia. . .

21. Nội dung, phương án, kế hoạch, văn bản về hợp tác quốc tế của lực lượng Công an nhân dân trong công tác đấu tranh, phòng, chống âm mưu, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia chưa công khai.

22. Số liệu tuyệt đối về mật phí, kinh phí đặc biệt, kinh phí đặc biệt đột xuất. Chứng từ thanh toán, quyết toán mật phí, kinh phí đặc biệt, kinh phí đặc biệt đột xuất phục vụ công tác công an gồm: công tác đấu tranh chuyên án của lực lượng Cảnh sát; xây dựng, sử dụng vai ảo, vai nghiệp vụ, hộp thư bí mật, nhà nghiệp vụ, điểm hẹn bí mật; tiếp xúc làm việc với người không phải là lực lượng bí mật và các hoạt động nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân (trừ quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định này).

**Điều 3. Bí mật nhà nước độ Mật gồm:**

1. Văn bản về chủ trương, phương hướng giải quyết, xử lý vụ việc là điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự ở địa phương, trong vùng dân tộc, tôn giáo, khu kinh tế, khu vực biên giới, hải đảo (trừ quy định tại điểm d khoản 8 Điều 2 Quyết định này).

2. Thông tin, tài liệu về công tác tổ chức cán bộ của lực lượng Công an nhân dân gồm:

a) Văn bản của Bộ Công an xin chủ trương Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng bộ Chính phủ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm , tổ chức bộ máy Bộ Công an; vụ,

b) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Bộ Công an;

c) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị nghiệp vụ trong Công an nhân dân (trừ quy định tại khoản Điều 1 và khoản 3 Điều 2 Quyết định này);

d) Văn bản của Công an các đơn vị, địa phương xin chủ trương lãnh đạo Bộ Công an về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các đơn vị nghiệp vụ Công an nhân dân;

đ) Đề án, dự án về tổ chức bộ máy của lực lượng Công an nhân dân;

e) Văn bản, tờ trình của Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương về thẩm định, đánh giá, nhận xét, cho ý kiến việc luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật đối với lãnh đạo cấp Cục và tương đương, Phó Giám đốc Công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên (trừ các quyết định, thông báo bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, kỷ luật);

g) Số liệu tuyệt đối về quân số, biên chế của toàn lực lượng Công an nhân dân; số liệu tuyệt đối về quân số, biên chế của lực lượng An ninh, Tình báo, Cảnh sát của lực lượng Công an nhân dân; số liệu tuyệt đối về quân số, biên chế của Công an đơn vị, địa phương; số liệu tuyệt đối về quân số lực lượng Công an tham gia giải quyết, xử lý các vụ việc, điểm nóng phức tạp về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội chưa công khai;

h) Văn bản trong hồ sơ đảng viên, hồ sơ cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân có nội dung kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và triển khai các biện pháp công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng Công an nhân dân (trừ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 và khoản 5, khoản 6 Điều 2 Quyết định này);

i) Kế hoạch, báo cáo, văn bản về rà soát, thẩm tra, kết luận tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân (trừ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 và khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 2 Quyết định này);

k) Văn bản trao đổi giữa Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương với các cơ quan, tổ chức về việc bố trí cán bộ đang công tác trong lực lượng Công an nhân dân biệt phái không công khai.

3. Chương trình, kế hoạch, báo cáo, thông báo, văn bản phản ánh tình hình, kết quả thực hiện công tác trinh sát, công tác đấu tranh phản bác luận điệu sai trái, thù địch, công tác đấu tranh với các loại đối tượng và tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội (trừ quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 1 và khoản 7, khoản 12 Điều 2 Quyết định này).

4. Thông tin, tài liệu về công tác nghiệp vụ cơ bản, hồ sơ nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân (trừ hồ sơ CQ, CX, CV, TR, GT, hồ sơ kiểm tra hành chính, hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, hồ sơ người có án phạt cảnh cáo, hồ sơ quản lý công tác phòng cháy, chữa cháy, hồ sơ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm và tai nạn giao thông; yêu cầu tra cứu và thông báo kết quả tra cứu phục vụ khai thác tàng thư căn cước can phạm, vi phạm hành chính, tiền án, tiền sự của công dân; hồ sơ thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; thống kê tài liệu trong hồ sơ, biên bản bàn giao hồ sơ, biên bản kiểm tra hồ sơ, danh sách người nghiên cứu hồ sơ, bản định thời hạn lưu trữ; các loại bìa hồ sơ và quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 1 và khoản 12 Điều 2 Quyết định này) gồm:

a) Báo cáo đề xuất, kế hoạch, báo cáo nhận xét định kỳ, đánh giá tình hình nghiệp vụ, văn bản, biểu mẫu có thông tin về công tác điều tra cơ bản thuộc lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội;

b) Kế hoạch, báo cáo đề xuất, báo cáo kết quả, báo cáo sơ kết, văn bản, biểu mẫu có thông tin về công tác truy xét, truy tìm thuộc lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội;

c) Văn bản, báo cáo, kế hoạch, biểu mẫu về quản lý, sử dụng điểm hẹn bí mật. Số liệu tuyệt đối về lực lượng bí mật, vai ảo, vai nghiệp vụ, cơ sở bình phong, nhà an toàn, hộp thư bí mật, điểm hẹn bí mật;

d) Thông tin, tài liệu trong hồ sơ vụ án xâm phạm an ninh quốc gia của lực lượng An ninh nhân dân đã kết thúc điều tra;

đ) Hồ sơ thu được của địch, ngụy do lực lượng Công an nhân dân quản lý;

e) Biểu mẫu, yêu cầu tra cứu, kết quả tra cứu, báo cáo trong hồ sơ chuyên đề nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát có thông tin về hoạt động của các đối tượng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội và triển khai công tác trinh sát, nghiệp vụ cơ bản của lực lượng Cảnh sát nhân dân.

5. Thông tin, tài liệu về hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử gồm:

a) Bản thiết kế kỹ thuật, tài liệu mô tả sơ đồ, phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh, an toàn trung tâm dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu quốc cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác gia về dân cư, hệ thống thực điện tử;

b) Bản thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị và hệ thống phần mềm; mô hình, cấu trúc hệ thống mạng, địa chỉ IP

c) Phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, cơ sở dữ liệu nghiệp vụ ngành công an;

d) Sơ đồ; bản vẽ vị trí lắp đặt, số liệu tuyệt đối về trang thiết bị của hệ thống;

đ) Tập hợp cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước của toàn bộ công dân Việt Nam (trừ dữ liệu cá nhân của từng công dân trong cơ sở dữ liệu), hệ thống định danh và xác thực điện tử; e) Thiết kế kỹ thuật chống làm giả căn cước.

6. Thiết kế kỹ thuật chống làm gia đối với: thẻ đảng viên; hộ chiếu, thị thực; chứng minh Công an nhân dân; giấy phép lái xe Công an nhân dân, giấy phép lái xe quốc gia, giấy phép lái xe quốc tế do cơ quan, người có thẩm quyền trong Công an nhân dân cấp.

7. Sổ đăng ký mẫu con dấu; thiết kế kỹ thuật chống làm giả con dấu của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

8. Tần số các phương tiện thông tin, viễn thông phục vụ hoạt động nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân.

9. Thông tin, tài liệu về hoạt động xâm phạm trật tự, an toàn xã hội và công tác phòng ngừa, đấu tranh của cơ quan chức năng (trừ quy định tại khoản 7 Điều 1 và khoản 19 Điều 2 Quyết định này) gồm:

a) Thông tin, tài liệu về hoạt động xâm phạm trật tự, an toàn xã hội đặc biệt nghiêm trọng và hành vi tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng trở lên;

b) Phương án, kế hoạch, báo cáo, văn bản về triển khai lực lượng, biện pháp đấu tranh, phòng, chống hoạt động xâm phạm trật tự, an toàn xã hội rất nghiêm trọng trở lên.

10. Thông tin, tài liệu về công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin và công tác điều tra, xác minh, xử lý các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, vụ việc, vụ án kinh tế, tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng trở lên, vụ việc, vụ án hình sự mà khi xử lý có tác động đến chính trị, đối ngoại, vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp khác mà dư luận xã hội quan tâm chưa công khai (trừ quy định tại khoản 19 Điều 2 Quyết định này) gồm:

a) Văn bản về tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và kiến nghị khởi tố chưa công khai;

b) Văn bản, quyết định về khởi tố bị can chưa thực hiện;

c) Lệnh, phương án, kế hoạch, văn bản về bắt, giam, giữ người chưa thực hiện;

d) Báo cáo, lệnh, phương án, kế hoạch, văn bản về khám xét chưa thực hiện;

đ ) Kế hoạch, phương án, báo cáo, văn bản về truy bắt các đối tượng truy nã đặc biệt nguy hiểm chưa thực hiện;

e) Văn bản của cơ quan điều tra về việc áp dụng, hủy bỏ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt;

g) Thông tin về việc phát hiện tài liệu, chứng cứ mới phục vụ điều tra mở rộng vụ án và đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm.

11. Thông tin, tài liệu về công tác tạm giam, tạm giữ, thi hành án hình sự gồm:

a) Báo cáo kết quả thi hành án hình sự đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội và tội phạm tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng trở lên;

b) Kế hoạch, báo cáo về việc thi hành án tử hình chưa thực hiện

c) Thiết kế kỹ thuật, phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống cơ sở dữ liệu giam giữ các loại tội phạm;

d) Quy trình, phương án, kế hoạch, báo cáo, văn bản về việc bắt, áp giải, dẫn giải, dẫn độ, di chuyển các loại đối tượng, bị can, bị cáo, phạm nhân phạm tội xâm phạm trật tự, an toàn xã hội đặc biệt nghiêm trọng và tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng trở lên;

đ) Phương án, kế hoạch, báo cáo, văn bản triển khai lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ bảo vệ phiên tòa xét xử các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội.

12. Phương án, kế hoạch, báo cáo, văn bản về triển khai lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ bảo đảm an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm canh gác, tuần tra, bảo vệ. vũ trang,

13. Thông tin, tài liệu về trụ sở của Công an các đơn vị, địa phương, trại giam, trại tạm giam, doanh trại, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, nhà công vụ, trung tâm cai nghiện ma túy, cơ sở lưu trú, các công trình phục vụ nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập, đào tạo nghiệp vụ, triển khai công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân (trừ thông tin về địa chỉ và nơi tiếp công dân) gồm:

a) Văn bản có chứa nội dung phản ánh chi tiết về: bản vẽ xây dựng, bản vẽ kỹ thuật; bản vẽ hệ thống quản lý địa điểm, tòa nhà; bản vẽ hệ thống giám sát an ninh; bản vẽ hệ thống thông tin liên lạc; bản vẽ thiết kế, bản đồ, sơ đồ thể hiện vị trí các phòng làm việc, địa điểm, nơi lưu giữ bí mật nhà nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống quản lý tòa nhà;

b) Bản vẽ xây dựng, bản vẽ kỹ thuật; bản vẽ hệ thống quản lý địa điểm, tòa nhà; bản vẽ hệ thống giám sát an ninh; bản vẽ hệ thống thông tin liên lạc; bản vẽ thiết kế, bản đồ, sơ đồ thể hiện vị trí các phòng làm việc, địa điểm, nơi lưu giữ bí mật nhà nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống quản lý tòa nhà;

c) Phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn trụ sở của Công an các đơn vị, địa phương, trại giam, trại tạm giam, doanh trại, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, nhà công vụ, trung tâm cai nghiện ma túy, các công trình phục vụ nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập, đào tạo nghiệp vụ, triển khai công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân;

d) Địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; nơi cất giữ sản phẩm mật mã, kỹ thuật mật mã; nơi mã hóa, giải mã thông tin bí mật nhà nước; nơi lưu trữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; trung tâm thông tin chỉ huy.

14. Đề án, kế hoạch, báo cáo, văn bản về quy hoạch phát triển công nghiệp an ninh và hệ thống các công trình nghiệp vụ an ninh.

15. Nội dung, chương trình đào tạo, sách, giáo trình, giáo án, tài liệu bồi dưỡng, huấn luyện về công tác trinh sát, công tác nghiệp vụ cơ bản và các chiến thuật, biện pháp đấu tranh với các loại đối tượng của lực lượng Công an nhân dân.

16. Thông tin, tài liệu về tài sản đặc biệt, thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng của lực lượng Công an nhân dân gồm:

a) Báo cáo dự toán, kế hoạch đảm bảo kinh phí, vốn đầu tư xây dựng công trình nghiệp vụ an ninh, công trình công nghiệp an ninh;

b) Báo cáo dự toán, kế hoạch đảm bảo kinh phí mua sắm thiết bị phục vụ công tác nghiệp vụ công an;

c) Báo cáo, tờ trình, dự án, kế hoạch ngân sách, kế hoạch mua sắm đối với hàng hóa thuộc danh mục tài sản đặc biệt, thiết bị, vật từ kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng và công cụ hỗ trợ chuyên dùng phục vụ công tác nghiệp vụ công an;

d) Văn bản báo cáo về mua sắm, trang bị, dự trữ, quản lý, xử lý đối với tài sản đặc biệt (trừ đất và công trình gắn liền với đất), thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ chuyển dùng phục vụ công tác nghiệp vụ công an;

đ) Đề án, dự án phương án, kế hoạch, báo cáo, địa điểm, quy trình. nghiệp cứu chế tạo; sản xuất, quản lý, sửa chữa tài sản đặc biệt, thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng và công cụ hỗ trợ chuyên dùng phục vụ công tác nghiệp vụ công an DAMS và

e) Sơ đồ hệ thống xưởng sản xuất tài sản đặc biệt, thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng phục vụ công tác nghiệp vụ công an;

g) Quy trình báo quản, kiểm định, đo lường chất lượng vũ khí, khí tài và công nghệ về vũ khí, khí tài.

17. Sơ đồ hệ thống kho dự trữ quốc gia và kho vũ khí do Bộ Công an quản lý.

18. Văn bản, báo cáo về người thuộc diện chưa cho nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh, chú ý nhập cảnh, chú ý xuất cảnh chưa công khai.

19. Nội dung, phương án, kế hoạch, văn bản về hợp tác quốc tế của lực lượng Công nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm khác chưa công khai (trừ quy định tại khoản 21 Điều 2 Quyết định này).

20. Văn bản xác minh, rà soát, đánh giá, kết luận, trao đổi về tiêu chuẩn chính trị đối với cá nhân là người Việt Nam đang có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

**Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Tỉnh ủy, thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - Cục An ninh chính trị nội bộ, Bộ Công an’  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục;  -Luru: VT, NC.  \* Tài liệu được phép sao; chụp. | **THỦ TƯỚNG**  **PHẠM MINH CHÍNH** |